



Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển  
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: [jsde.nctu.edu.vn](http://jsde.nctu.edu.vn)



**Nhận thức và việc sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng trong đọc hiểu của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Nam Cần Thơ**

Mai Ngọc Yến<sup>1</sup>, Nguyễn Hai Khoa<sup>1\*</sup>, Nguyễn Huỳnh Huế Thư<sup>1</sup>, Nguyễn Hồng Sen<sup>1</sup>,  
Lê Thị Mộng Quỳnh<sup>1</sup>, Phan Đức Duy<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Nam Cần Thơ

\*Người chịu trách nhiệm bài viết: Nguyễn Hai Khoa (email: [nhkhoa@nctu.edu.vn](mailto:nhkhoa@nctu.edu.vn))

Ngày nhận bài: 20/8/2023

Ngày phản biện: 15/9/2023

Ngày duyệt đăng: 5/11/2023

**Title:** Perceptions and use of lexical inferencing strategies in reading comprehension of English major students at Nam Can Tho University

**Keywords:** english, lexical inference, perception, reading comprehension, strategy,

**Từ khóa:** chiến lược, đọc hiểu, nhận thức, suy luận từ vựng, tiếng anh

**ABSTRACT**

*Lexical inferencing has been widely recognized as a crucial factor in reading comprehension particularly in terms of inferring the meaning of incidental and/or unfamiliar words in texts. While there have been numerous studies on the use of lexical strategies in reading comprehension, there is a lack of research on how these strategies are perceived and utilized in the Vietnamese context. Therefore, this study aimed to investigate the perceptions and use of lexical inferencing strategies among Vietnamese students in order to address this gap. Additionally, the study also aimed to explore the relationship between these two variables and provide pedagogical implications. The participants of this study were 60 English majors from Nam Can Tho University. A quantitative data collection method was employed through an online survey questionnaire. The results revealed that the majority of students perceived that lexical inferencing as a crucial aspect of reading comprehension. Furthermore, the findings showed that students frequently utilized lexical inferencing strategies in their reading comprehension. The study also found a significant correlation between students' perceptions and use of lexical inferencing strategies.*

**TÓM TẮT**

*Suy luận từ vựng từ lâu đã được chứng minh có vai trò quan trọng việc đọc hiểu, đặc biệt khi nói đến các chiến lược để suy luận nghĩa của các từ ngẫu nhiên và/hoặc không quen thuộc trong văn bản. Mặc dù có nhiều nghiên cứu về việc sử dụng các chiến*

*lược suy luận từ vựng trong đọc hiểu nhưng vẫn còn ít các bài nghiên cứu về việc nhận thức và sử dụng các chiến lược này trong bối cảnh ở Việt Nam. Do đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm điều tra nhận thức và việc sử dụng chiến lược suy luận từ vựng trong đọc hiểu của sinh viên Việt Nam để thu hẹp khoảng cách này. Nghiên cứu này cũng nhằm mục đích cung cấp thông tin về mối liên hệ giữa hai biến quan sát này để từ đó có thể đề xuất những hàm ý giáo dục. Khách thể nghiên cứu bao gồm 60 sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại trường Đại học Nam Cần Thơ. Một bảng câu hỏi khảo sát trực tuyến đã được sử dụng để thu thập dữ liệu định lượng cho nghiên cứu. Kết quả cho thấy phần lớn sinh viên cho rằng suy luận từ vựng có vai trò quan trọng trong việc đọc hiểu. Kết quả cũng chỉ ra rằng sinh viên sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng trong đọc hiểu với tần suất cao. Mối tương quan có ý nghĩa giữa nhận thức và việc sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng của sinh viên cũng được quan sát trong nghiên cứu này.*

## 1. GIỚI THIỆU

Đọc hiểu đóng vai trò quan trọng đối với cả quá trình học tập nói chung và sự phát triển khả năng ngôn ngữ của cá nhân nói riêng (Mikulecky, 2008) [17]. Theo Qanwal và Karim (2014) [23], đọc thường được xem là một kỹ năng diễn giải và đòi hỏi sự tương tác của người đọc đối với nội dung văn bản, đòi hỏi quá trình suy nghĩ, nhận thức bên cạnh việc thấu hiểu thông tin. Người học có thể tiếp xúc với ngôn ngữ đích thông qua việc đọc tiếng Anh để nâng cao trình độ ngôn ngữ của họ (Erten & Razi, 2003) [6]. Đọc hiệu quả được cho là một kỹ năng khó thành thạo do tính phức tạp của nó. Vì vậy, việc đọc cần phải thực hành, đòi hỏi thời gian và công sức nhiều để học (Huyền & Trang, 2020) [10]. Theo Kaivanpanah và Moghaddam (2012) [13], suy luận từ vựng có vai trò quan trọng trong đọc hiểu vì để hiểu thông tin, điều quan trọng là người đọc phải hiểu ý nghĩa của các thuật ngữ không quen thuộc. Sinh viên cần

sử dụng các chiến lược có hệ thống bên cạnh khả năng đoán nghĩa khi học nghĩa của các từ mới (Kangwanpradit & Sappapan, 2016) [14]. Theo Van Zealand (2014) [27], các chiến lược suy luận từ vựng rất quan trọng cho việc đọc hiểu và có thể giúp sinh viên hiểu văn bản đơn giản hơn. Vì vậy, đối với người học tiếng Anh như một ngoại ngữ, khả năng đoán hoặc suy ra nghĩa của các từ mới là vô cùng quan trọng.

Hướng dẫn đọc hiểu là một phần quan trọng của chương trình giảng dạy tiếng Anh vì nó giúp sinh viên học tốt hơn các khía cạnh khác liên quan đến ngôn ngữ như từ vựng và ngữ pháp. Đọc đòi hỏi người đọc phải vận dụng nhiều kiến thức và đôi khi hồi tưởng những trải nghiệm trong quá khứ vì đây là một hoạt động tinh thần phức tạp (Huyền & Trang, 2020) [10]. Nghiên cứu của Paribakht và Wesche (1999) [22] cho thấy sinh viên thường bỏ lỡ một lượng đáng kể các từ ngẫu nhiên. Đối với những từ họ tập trung

vào, suy luận nghĩa là chiến lược chính. Nhiều nghiên cứu đã được tiến hành liên quan đến vấn đề này; tuy nhiên, phần lớn tập trung vào sinh viên học tiếng Anh như một ngoại ngữ từ các quốc gia khác.

Mục đích chính của nghiên cứu này nhằm hiểu rõ hơn về nhận thức và việc sử dụng chiến lược suy luận từ vựng của sinh viên trong quá trình đọc hiểu. Đọc hiểu rất quan trọng đối với cả kết quả học tập và sự phát triển của các kỹ năng ngôn ngữ nói chung, vì vậy nghiên cứu này đặc biệt tập trung vào nhận thức của sinh viên về vai trò của suy luận từ vựng trong việc đọc hiểu và việc họ tự nhận thức về việc sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng để đối phó với những từ vựng không quen thuộc trong văn bản tiếng Anh.

## 1.1 Cơ sở lý luận

### 1.1.1 Đọc hiểu

Đọc hiểu là một khả năng phức tạp liên kết tất cả các kỹ năng đọc để hiểu văn bản (Tavakoli & Hayati, 2011) [26]. Tavakoli và Hayati [26] cũng cho rằng khả năng hiểu là cốt lõi của việc đọc. Nghĩa là, mục tiêu chính của việc đọc là hiểu thông điệp và ý nghĩa nội dung trong văn bản. Curtis (2002) [4] lập luận rằng trong số những quá trình mà người đọc trải qua để tối đa hóa khả năng hiểu là các kỹ năng như chọn ý chính của văn bản, đặt câu hỏi về nội dung của nó và tóm tắt các đoạn văn. Ngoài ra, khả năng hiểu văn bản của một người được cải thiện theo lượng kiến thức mà họ có và có thể áp dụng trong quá trình đọc hiểu (Guterman, 2003) [7].

### 1.1.2 Suy luận từ vựng

*Định nghĩa:*

Suy luận từ vựng là một chiến lược được sử dụng để diễn giải nghĩa của từ mới bằng cách sử dụng các manh mối xung quanh (Nation, 1990) [19]. Suy luận từ vựng đòi hỏi người học phải

đưa ra những dự đoán có căn cứ về nghĩa của thuật ngữ không quen thuộc dựa trên tất cả các manh mối thuộc ngôn ngữ, sự hiểu biết chung của người học về chủ đề đọc, nhận thức của người học về ngữ cảnh trong văn bản và kiến thức về ngôn ngữ có liên quan của người học (Haastrup, 1991) [8]. Hơn nữa, suy luận từ vựng được coi là một chiến thuật quan trọng vì nó cho phép người đọc xử lý văn bản kỹ lưỡng hơn và có thể hỗ trợ hiểu toàn bộ nội dung rõ ràng hơn (Wang, 2011) [28]. Người đọc cần trải qua nhiều quy trình được gọi là chiến lược hiểu để hiểu thành công những gì họ đang đọc (May, 2001) [15]. Vì vậy, nghiên cứu chiến lược ngôn ngữ luôn đóng một vai trò quan trọng đối với năng lực ngôn ngữ của sinh viên (McDonough, 1995) [16]. Các kết quả nghiên cứu trước đây cũng đã xác định được nhiều chiến lược suy luận từ vựng và phần nào đó chỉ ra những điểm tương đồng liên quan tới các đặc điểm của chiến lược đọc hiểu.

*Chiến lược suy luận từ vựng:*

Nghiên cứu của Jelic (2007) [11] được thực hiện nhằm nhấn mạnh vào một số chiến lược chính:

- Phân tích các dấu hiệu ngữ pháp trong từ không quen thuộc.
- Phân tích các phần của từ không quen thuộc.
- Sử dụng nghĩa của các từ trong cùng một câu.
- Phân tích các dấu hiệu ngữ pháp trong câu xung quanh.
- Sử dụng ý nghĩa của toàn bộ đoạn văn hoặc văn bản.
- Sử dụng kiến thức nền tảng về chủ đề của văn bản.

Trong nghiên cứu của Paribakht và Wesche (1997) [22], tám loại chiến lược đoán từ mới đã được xác định: đồng âm, hình thái, liên kết từ,

kiến thức ngữ pháp cấp độ câu, kiến thức diễn ngôn, các từ có cùng nguồn gốc, kiến thức tổng quát và dấu câu. Schmitt (1997) [25] chia chiến lược thành hai nhóm:

- Chiến lược dựa trên sự xác định: Từ loại, phụ tố và gốc từ, các từ có cùng nguồn gốc, hình ảnh hoặc dấu hiệu có sẵn (nếu có), ngữ cảnh văn bản, từ điển song ngữ, từ điển đơn ngữ, danh sách từ và thông tin ghi chú.

- Chiến lược xã hội: Đòi hỏi bản dịch văn bản sang ngôn ngữ thứ nhất, yêu cầu diễn giải lại ý nghĩa hoặc sử dụng từ đồng nghĩa của từ mới, chú ý câu có từ mới và xem xét nghĩa.

O'Malley và Chamot (1990) [20] đã trình bày các chiến lược sau đây và có thể được áp dụng cho bài đọc: Suy luận (sử dụng ngữ cảnh cục bộ và mở rộng để đoán từ mới); lập luận diễn dịch (sử dụng kiến thức ngữ pháp để phân loại các dạng từ); xem xét kỹ lưỡng (sử dụng kiến thức sẵn có), ứng dụng (nhận diện, sử dụng các từ cùng nguồn gốc). Nghiên cứu của Juliana (2017) [12] đã mô tả bảy loại chiến lược để suy ra nghĩa của từ: Ngữ cảnh ngoài văn bản (kiến thức liên quan đến chủ đề/tổng quát), ngữ cảnh diễn ngôn như ngữ cảnh bên ngoài câu mà từ mới xuất hiện, ngữ cảnh cục bộ (cấp độ câu), kiến thức liên kết hoặc kết hợp từ, kiến thức cú pháp, hình thức trực quan, sự tương đồng về âm vị. Nghiên cứu được thực hiện bởi De Bot et al. (1997) [5] chỉ ra tám nguồn kiến thức dựa trên dữ liệu thu thập được từ các giao thức suy nghĩ thông qua lời nói của 10 người học tiếng Anh: Ngữ pháp cấp độ câu, hình thái từ, dấu câu, kiến thức tổng quát, diễn ngôn và văn bản, từ đồng âm, liên tưởng từ và từ cùng nguồn gốc. Nassaji (2003) [18] chia nguồn kiến thức thành bốn loại:

- Kiến thức diễn ngôn là việc sử dụng thông tin liên quan đến mối quan hệ giữa hoặc trong

các câu và các công cụ liên kết các yếu tố khác nhau của văn bản.

- Kiến thức tổng quát là việc sử dụng thông tin liên quan đến chủ đề hoặc nội dung vượt ra ngoài văn bản.

- Hiểu biết về hình thái học: Sử dụng sự hiểu biết về cách các từ được hình thành và cách chúng được kết hợp với nhau, bao gồm các cấu tạo từ, biến tố, gốc từ, hậu tố và tiền tố.

- Kiến thức ngữ pháp: Việc áp dụng kiến thức về cú pháp hoặc chức năng ngữ pháp như mệnh đề quan hệ (dấu hiệu cho thấy cách thay đổi một cụm từ), động từ hoặc tính từ. Kiến thức diễn ngôn bao gồm việc sử dụng các từ nối, chẳng hạn như manh mối diễn đạt lại ý, manh mối về mối quan hệ nhân quả, manh mối tình huống và manh mối giải thích, giữa các từ hoặc câu.

Theo nghiên cứu của Akpinar (2013) [1], nghiên cứu này tập trung vào hai loại chiến lược chính: Chiến lược theo ngữ cảnh và chiến lược nội ngữ. Mỗi loại này bao gồm một số chiến lược phụ để làm sáng tỏ thêm các chiến lược chính.

- Nhóm chiến lược thuộc ngữ cảnh: Kiến thức tổng quát, kiến thức cục bộ (cấp độ câu), manh mối từ ngữ cảnh tổng quát, kiến thức diễn ngôn và ngữ cảnh diễn ngôn (đọc các câu xoay quanh câu có chứa từ không quen thuộc).

- Nhóm chiến lược nội ngữ: Hình thái học (một phần của lời nói), hình thái học (gốc của từ, cách nối và ghép từ), cú pháp (kiến thức ngữ pháp), âm vị học/chính tả (kiến thức về phát âm và đánh vần), và kiến thức về kết hợp từ.

## **1.2 Mối liên hệ giữa suy luận từ vựng và đọc hiểu**

Suy luận từ vựng có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng đọc hiểu của người học (Juliana, 2018) [12]. So với những sinh viên thiếu năng lực này, những sinh viên đã được đào tạo về khả

năng suy luận từ vựng hoặc những sinh viên đã có năng lực này có kết quả tốt hơn trong bài kiểm tra đọc hiểu. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sinh viên có thể suy ra ý nghĩa từ vựng để tăng khả năng hiểu nội dung của bài đọc, ngoại trừ những sinh viên có vốn từ vựng lớn. Do đó, điều này chỉ ra rằng suy luận từ vựng là một chiến lược hữu ích nhằm cải thiện kỹ năng đọc hiểu của sinh viên (Hamouda, 2021) [9]. Suy luận từ vựng và đọc hiểu là hai yếu tố có liên kết với nhau và bổ trợ cho nhau. Việc đọc hiểu tương đối đơn giản nếu khả năng suy luận từ vựng tốt và ngược lại.

## **2. PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP**

### **2.1 Đối tượng nghiên cứu**

60 sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Nam Cần Thơ tham gia vào nghiên cứu này, gồm nữ (61,7%) và nam (38,3%). Độ tuổi trung bình của họ là 20. Tất cả họ đều đã học tiếng Anh ít nhất 10 năm tính đến thời điểm nghiên cứu này được thực hiện. Ngoài ra, những sinh viên này đã hoàn thành xong bốn khóa học đọc hiểu, từ sơ cấp đến nâng cao, trong chương trình đại học.

### **2.2 Phương tiện nghiên cứu**

Một bảng câu hỏi gồm 23 câu hỏi đã được sử dụng để thu thập dữ liệu cho nghiên cứu, bao gồm ba phần: (1) Thông tin nhân khẩu học của sinh viên, (2) nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của suy luận từ vựng trong việc đọc hiểu và (3) nhận thức của sinh viên về việc sử dụng chiến lược liên quan đến suy luận từ vựng. Trong phần đầu tiên, thông tin nhân khẩu học của người tham gia, bao gồm giới tính, độ tuổi và kinh nghiệm học tiếng Anh, được thu thập. Phần 2 có 10 câu hỏi được thiết kế và điều chỉnh dựa trên nghiên cứu của Al-Jahwari và Al-Humaidi (2015) [12]. Để có công cụ nghiên cứu hoàn chỉnh, bảng câu hỏi đã được điều chỉnh để

có thể phù hợp hơn với bối cảnh và mục tiêu nghiên cứu. Các câu hỏi trong phần này được trình bày theo thang đo Likert 5 mức độ (1= “hoàn toàn không đồng ý”, 2 = “không đồng ý”, 3 = “không ý kiến”, 4 = “đồng ý” và 5 = “rất đồng ý”). Phần 3 được phỏng theo bảng câu hỏi của Qian (2004) [24]. Phần thứ 3 được chia thành hai nhóm câu hỏi để thu thập dữ liệu về nhận thức của người tham gia về việc họ sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng trong việc đọc hiểu. Phần này bao gồm 13 câu hỏi; mỗi câu hỏi đều được diễn đạt cẩn thận. Những người tham gia được yêu cầu đánh giá tần suất họ sử dụng từng chiến lược suy luận từ vựng cụ thể để đối phó với các từ không quen thuộc trong văn bản tiếng Anh. Thang đo Likert 5 mức độ cũng được sử dụng để thu thập câu trả lời cho các câu hỏi trong phần này, từ 1 = “không bao giờ” đến 5 = “luôn luôn”.

### **2.3 Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu này được thiết kế như một nghiên cứu mô tả dựa trên phương pháp nghiên cứu định lượng. Dữ liệu định lượng được thu thập thông qua bảng câu hỏi để tìm hiểu nhận thức của sinh viên về vai trò của suy luận từ vựng và kiểm tra việc sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng của họ trong việc đọc hiểu. Mục tiêu chính của nghiên cứu định lượng là thu thập dữ liệu số và khái quát hóa dữ liệu đó cho một tổng thể hoặc để giải thích một tình huống hoặc hiện tượng cụ thể (Babbie, 2010) [3].

### **2.4 Phương pháp phân tích dữ liệu**

Các câu trả lời thu được từ bảng câu hỏi được xử lý bằng phần mềm IBM SPSS, phiên bản 20, để điều tra nhận thức của sinh viên và việc sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng của họ trong quá trình đọc hiểu. Số liệu được phân tích bằng thống kê mô tả, kiểm định t một mẫu, kiểm định t mẫu bắt cặp và tương quan



Pearson. Trong nghiên cứu này, thang đo Oxford's (1990) [21] được sử dụng để xác định

xem kết quả giá trị trung bình là cao hay thấp trong khoảng từ 1 đến 5.

**Bảng 1. Giải thích giá trị trung bình**

Mức độ	Trung bình (M)
Rất cao	4.5 to 5.0
Cao	3.5 to 4.4
Trung bình	2.5 to 3.4
Thấp	1.0 to 2.4

Nguồn: Oxford (1990)

**3. KẾT QUẢ**

**3.1 Nhận thức của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh về suy luận từ vựng trong đọc hiểu**

Mười câu hỏi đầu tiên trong số 23 câu hỏi trong bảng câu hỏi được sử dụng để kiểm tra xem sinh viên nhận thức như thế nào về việc sử dụng suy luận từ vựng trong việc đọc hiểu.

Kiểm định Cronbach's alpha được sử dụng để kiểm tra độ tin cậy của thang đo. Theo kết quả, thang đo có hệ số tin cậy cao ( $\alpha = 0,945$ ). Thống kê mô tả được sử dụng để xác định nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của suy luận từ vựng trong đọc hiểu. Kết quả được trình bày trong Bảng 2.

**Bảng 2. Nhận thức của sinh viên về suy luận từ vựng**

Biến quan sát	Cỡ mẫu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Nhận thức	60	1,3	5,00	3,93	0,77

Bảng 2 trình bày nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của suy luận từ vựng trong đọc hiểu có điểm trung bình chung là 3,93 (M = 3,93, SD = 0,7). Kết quả so sánh giá trị trung bình và giá trị kiểm tra 3,5 và 4,5 cho thấy giá trị trung bình khác biệt có ý nghĩa thống kê với

3,5. ( $t = 4,342, df = 59, p < 0,001$ ) và 4,5 ( $t = -5,755, df = 59, p < 0,001$ ). Vì vậy, có thể suy ra rằng sinh viên chuyên ngành tiếng Anh nhận định suy luận từ vựng là “quan trọng” trong việc suy luận các từ không quen thuộc mà họ gặp trong khi đọc văn bản.

**Bảng 3. Nhận thức của sinh viên về các vai trò cụ thể của suy luận từ vựng trong đọc hiểu**

Câu hỏi	Cỡ mẫu	Trung bình (M)	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Rất đồng ý
			%				
1. Hiểu văn bản tốt hơn	60	4,18	1,7	1,7	11,2	46,7	38,3
2. Đọc văn bản nhanh	60	4,00	0,0	5,0	20,0	45,0	30,0
3. Đọc lướt văn bản hiệu quả	60	3,93	0,0	6,7	21,7	43,3	28,3

Câu hỏi	Cỡ mẫu	Trung bình (M)	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Rất đồng ý
			%				
4. Khắc phục hạn chế về kiến thức ngôn ngữ	60	3,85	1,7	10,0	20,0	38,3	30,0
5. Dễ dàng đoán trước nội dung văn bản	60	3,92	3,3	1,7	21,7	46,7	26,7
6. Hiểu được ý chính hoặc chủ đề của văn bản một cách dễ dàng	60	3,95	3,3	3,3	16,7	48,3	28,3
7. Đọc lướt văn bản để biết thông tin chi tiết	60	3,75	1,7	11,2	26,7	30,0	30,0
8. Tiết kiệm thời gian học từ vựng mới	60	3,85	0,0	10,0	21,7	41,7	26,7
9. Trả lời chính xác các câu hỏi từ vựng trong bài kiểm tra đọc	60	3,85	1,7	6,7	25,0	38,3	28,7
10. Có vốn từ vựng phong phú	60	4,02	1,7	5,0	16,7	43,3	33,3

Như có thể thấy trong Bảng 3, hầu hết sinh viên (85%) nhận thấy rằng khả năng suy luận từ vựng có thể giúp họ hiểu văn bản tốt hơn (M=4,18). Hơn 70% người tham gia cho rằng khả năng suy luận nghĩa của từ vựng có thể giúp họ đọc văn bản nhanh chóng, đọc lướt văn bản hiệu quả, đoán trước nội dung văn bản, dễ dàng nắm bắt ý chính hoặc chủ đề của văn bản và làm phong phú vốn từ vựng của họ (Giá trị trung bình tương ứng là M=4,00, M=3,93, M=3,92, M=3,95, M=4,02). Các vai trò còn lại cũng nhận được tỷ lệ đồng tình khá cao từ người tham gia (từ 60% đến dưới 70%). Nhìn chung, những kết quả này cho thấy rằng sinh viên có nhận thức tích cực đối với vai trò cụ thể của suy luận từ vựng, cho thấy sự đồng tình của họ về tầm quan trọng của những chiến lược này trong việc đoán

nghĩa của các từ không quen thuộc trong văn bản tiếng Anh.

### 3.2 Nhận thức của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh về việc sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng

Phần này trình bày kết quả về việc sử dụng các chiến lược để suy luận nghĩa của những từ không quen thuộc trong văn bản tiếng Anh của sinh viên chuyên ngành tiếng Anh. Phần này chủ yếu tập trung vào hai nhóm chiến lược (chiến lược thuộc ngữ cảnh và chiến lược nội ngôn), đây là hai nhóm chiến lược suy luận từ vựng chính được xác định trong phần thứ ba của bảng câu hỏi. Bảng 4 trình bày kết quả thống kê mô tả liên quan đến việc sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng của sinh viên.

**Bảng 4. Nhận thức của sinh viên về việc sử dụng chiến lược suy luận từ vựng**

Biến quan sát	Cỡ mẫu	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Nhận thức về việc sử dụng	60	1,92	5,00	3,81	0,75

Theo Bảng 4, nhận thức của sinh viên về việc sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng có điểm trung bình là 3,81 (M=3,81, SD=0,74. Để so sánh giá trị trung bình và giá trị kiểm tra là 3,5 và 4,5, Kết quả so sánh cho thấy, giá trị trung bình khác biệt có ý nghĩa thống kê với 3,5 ( $t=3,186$ ,  $df=59$ ,  $p=0,002$ ) và 4,5 ( $t=-7,211$ ,  $df=59$ ,  $p<0,001$ ). Điều này có thể kết luận rằng nhìn chung sinh

viên chuyên ngành tiếng Anh cho rằng họ sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng trong đọc hiểu ở tần suất cao. Nhằm cung cấp kết quả chi tiết về nhận thức của sinh viên liên quan tới việc sử dụng các chiến lược cụ thể, kết quả thống kê miêu tả cho từng câu hỏi, bao gồm giá trị trung bình và tỷ lệ phần trăm, được trình bày trong Bảng 5 và Bảng 6.

**Bảng 5. Nhận thức của sinh viên về các chiến lược nội ngữ**

Câu hỏi	Cỡ mẫu	Trung bình (M)	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng			Luôn luôn
					Thường xuyên	%		
17. Tôi đoán nghĩa của một từ ghép bằng cách chia từng phần của nó	60	3,78	1,67	8,3	28,3	33,3	28,3	
18. Tôi đoán nghĩa của từ ghép dựa trên hai phần của nó là những từ được cắt bớt để kết hợp với nhau	60	3,67	3,3	10,0	28,3	33,3	25,0	
19. Tôi đoán nghĩa của từ dựa vào tiền tố hoặc hậu tố của nó	60	3,85	1,67	8,3	20,0	43,3	26,67	
20. Tôi đoán nghĩa của từ dựa vào gốc của nó	60	3,70	5,0	6,67	25,0	40,0	23,3	
21. Tôi đoán nghĩa của từ dựa trên từ loại của nó	60	4,00	1,67	6,67	16,67	40,0	35,0	
22. Tôi tìm kiếm manh mối ngữ pháp trong các câu xung quanh để giúp tôi đoán nghĩa của từ chưa biết	60	3,82	6,67	1,67	16,67	53,3	21,67	
23. Tôi sử dụng những cách diễn đạt khác đi kèm với từ không quen thuộc	60	3,93	0,0	6,67	20,0	46,67	26,67	



Có thể thấy rằng giá trị trung bình cho các chiến lược nội ngữ dao động từ 3,67 đến 4,0. Điều này cho thấy rằng những chiến lược này được sinh viên sử dụng thường xuyên để suy luận nghĩa của từ mới trong đọc hiểu. Tỷ lệ phần trăm của các câu trả lời “thường xuyên” và “luôn luôn” được xem xét để giải thích kết quả về việc sử dụng từng chiến lược cụ thể của sinh viên. Cụ thể, tỷ lệ phần trăm sinh viên cao nhất (75%) cho biết họ đoán nghĩa của từ mới dựa trên kiến thức về từ loại (M=4,0). 74,97% sinh viên nhận thấy rằng họ suy ra nghĩa từ vựng

bằng cách tìm kiếm manh mối ngữ pháp trong các câu liền kề (M=3,82). Khoảng 70% sinh viên cho rằng họ có thể tìm ra nghĩa của một thuật ngữ mới bằng cách xem xét các cụm từ khác đi kèm với nó (M=3,93) và bằng cách phân tích tiền tố hoặc hậu tố của nó (M=3,85). Đối với các từ ghép, sinh viên cho rằng họ suy luận nghĩa của từ vựng bằng cách phân tích hai phần riêng biệt của từ mới với tần suất thấp hơn so với các chiến lược đã được trình bày phía trên (giá trị trung bình lần lượt là M=3,78 và M=3,67).

**Bảng 6. Nhận thức của sinh viên đối với các chiến lược thuộc ngữ cảnh**

Câu hỏi	Vai trò của suy luận từ vựng	Cỡ mẫu	Trung bình (M)	Không	Hiếm	Thỉnh	Thường	Luôn
				bao giờ	Khi	thoảng	xuyên	luôn
				%				
11. Tôi sử dụng kiến thức nền tảng về chủ đề của văn bản để đoán nghĩa của từ chưa biết		60	3,90	1,67	6,67	21,67	40,0	30,0
12. Tôi sử dụng kiến thức về nội dung hoặc chủ đề nằm ngoài nội dung trong văn bản		60	3,58	1,67	8,3	38,3	33,3	18,3
13. Tôi dùng nghĩa của các từ khác trong cùng một câu để giúp tôi đoán nghĩa của từ chưa biết		60	3,97	0,0	6,67	18,3	46,67	28,3
14. Tôi sử dụng nghĩa của toàn bộ đoạn văn hoặc văn bản để đoán nghĩa của từ chưa biết		60	3,65	6,67	8,3	23,3	36,67	25,0
15. Tôi sử dụng kiến thức về mối quan hệ giữa hoặc trong các câu và các phương tiện tạo nên sự liên kết giữa các phần khác nhau của văn bản		60	3,80	0,0	11,67	23,3	38,3	26,67
16. Tôi kiểm tra các phần khác của văn bản bên cạnh câu có chứa từ chưa biết, chẳng hạn như câu ngay sau từ đó		60	3,83	1,67	8,3	23,3	38,3	28,33

Như được minh họa trong Bảng 6, sinh viên sử dụng các chiến lược thuộc ngữ cảnh với tần suất cao, với giá trị trung bình cho tất cả các biến quan sát nằm trong khoảng từ 3,58 đến 3,97. Để kiểm tra nhận thức của sinh viên về việc sử dụng từng chiến lược thuộc ngữ cảnh, tỷ lệ phần trăm cho các câu trả lời “thường xuyên” và “luôn luôn” được xem xét. Cụ thể, chiến lược được sử dụng phổ biến nhất trong số những người tham gia là đoán nghĩa của một từ chưa biết bằng cách xem xét nghĩa của các từ khác trong cùng một câu (74,97%, M=3,97). Chiến lược được sử dụng thường xuyên thứ hai là sử dụng kiến thức nền tảng về chủ đề của văn bản để đoán nghĩa của một từ chưa biết (70%, M=3,90). Xem xét ý nghĩa của toàn bộ đoạn văn

hoặc văn bản (61,67%, M=3,65), sử dụng kiến thức về mối quan hệ giữa hoặc trong các câu và các phương tiện tạo nên sự liên kết giữa các phần khác nhau của văn bản (64,97%, M=3,80), chú ý đến các phần khác của văn bản bên cạnh câu có chứa từ chưa biết (66,63%, M=3,83) là ba chiến lược cũng được sinh viên sử dụng phổ biến, mặc dù với tần suất thấp hơn.

### 3.3 Mối liên quan giữa nhận thức và việc sử dụng chiến lược suy luận từ vựng trong đọc hiểu của sinh viên

Để điều tra xem liệu có mối quan hệ có ý nghĩa giữa nhận thức và việc sử dụng các chiến lược suy luận từ vựng của sinh viên hay không, kết quả tương quan được trình bày trong Bảng 7.

**Bảng 7. Mối tương quan giữa nhận thức và việc sử dụng chiến lược suy luận từ vựng trong đọc hiểu của sinh viên**

Biến quan sát	Cỡ mẫu	Hệ số tương quan	Mức ý nghĩa (p)
Nhận thức-sử dụng	60	9,73	0,01

*Ghi chú. Mối tương quan có ý nghĩa ở mức 0,01*

Như được trình bày trong Bảng 7, có mối tương thuận, chặt giữa hai biến quan sát ( $r=0,73^{**}$ ,  $p=0,01$ ). Có thể suy ra rằng có mối quan hệ có ý nghĩa giữa nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của suy luận từ vựng và việc sử dụng những chiến lược này trong đọc hiểu. Điều này cũng có nghĩa là những sinh viên có nhận thức cao về vai trò quan trọng của chiến lược suy luận từ vựng trong việc đọc hiểu có xu hướng sử dụng các chiến lược này để suy ra nghĩa của các từ mới mà họ gặp trong văn bản tiếng Anh.

### 4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Suy luận từ vựng đóng vai trò quan trọng trong đọc hiểu vì để hiểu nội dung của văn bản, một trong những việc quan trọng là người đọc

phải hiểu ý nghĩa của các thuật ngữ không quen thuộc, đặc biệt khi nói đến các chiến lược đoán nghĩa của từ mới trong văn bản. Kết quả của nghiên cứu này cho thấy sinh viên có nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của kỹ năng suy luận. Phần lớn những người tham gia nhận thấy rằng suy luận từ vựng giúp họ hiểu văn bản dễ dàng hơn, đọc văn bản nhanh hơn và xây dựng vốn từ vựng phong phú vì họ thường xuyên gặp các thuật ngữ chưa biết và suy luận nghĩa của chúng. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng cả chiến lược thuộc ngữ cảnh và chiến lược nội ngữ đều được sinh viên sử dụng thường xuyên. Hướng dẫn kỹ năng suy luận có tác động đáng kể đối với khả năng đọc hiểu của sinh viên. Sinh viên có thể cải thiện khả năng đọc hiểu của mình

nếu được hướng dẫn về việc sử dụng các chiến lược đọc hiệu quả. Tuy nhiên, giáo viên nên giúp sinh viên hiểu rằng chỉ dựa vào các từ đơn lẻ, cục bộ và chiến lược nội ngữ thì không đủ để xác định nghĩa của từ, sinh viên cần xem xét nghĩa trong ngữ cảnh và vận dụng kiến thức nền tảng liên quan đến chủ đề đọc (nếu có) nhằm hiểu rõ vấn đề trong bài đọc. Điều này có nghĩa rằng ngoài từ vựng, tập trung vào cụm từ, mệnh đề, câu và thậm chí cả đoạn văn trong đó từ đó được

tìm thấy có thể giúp sinh viên hiểu được bài đọc thông qua phương pháp tiếp cận nội dung dựa trên ngữ cảnh. Ngoài ra, sinh viên cần được hỗ trợ kiến thức nhiều hơn về từ, gốc của từ cũng như cách kết hợp các từ trong những tình huống khác nhau mà họ gặp phải trong bài đọc. Giáo viên nên khuyến khích sinh viên kiểm tra và đánh giá kết luận của mình dựa trên các manh mối được tìm thấy trong bối cảnh rộng hơn để đảm bảo rằng những kết luận này là chính xác.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Akpınar, K. D. (2013). Lexical inferencing: perceptions and actual behaviours of Turkish English as a Foreign Language Learners' handling of unknown vocabulary. *South African Journal of Education*, 33(3), 1-17.
- [2] Al-Jahwari, Y., & Al-Humaidi, S. (2015). Prior knowledge in EFL reading comprehension: Omani teachers' perspectives & classroom strategies. *International Journal of Applied Linguistics and English Literature*, 4(1), 169-181.
- [3] Babbie, R. (2010). *The Practice of Social Research*. CA: Wadsworth Cengage.
- [4] Curtis, M. (2002). Adolescent reading: A synthesis of research, adolescent literacy – research informing practice: A series of workshops. *National Institute of Child Health and Human Development*.
- [5] De Bot, K., Paribakht, T.S., & Wesche, M.B. (1997). Toward a lexical processing model for the study of second language vocabulary acquisition: Evidence from ESL reading. *Studies in Second Language Acquisition*, 19(3), 309-329.
- [6] Erten, I. H., & Razi, S. (2003). An experimental investigation into the impact of cultural schemata on reading comprehension. In *2nd International Balkan ELT Conference* (pp. 20-22).
- [7] Guterman, E. (2003). Integrating written metacognitive awareness guidance as a 'psychological tool' to improve student performance. *Learning and Instruction*, 13(6), 633–651
- [8] Haastrup, K. (1991). *Lexical inferencing procedures, or, talking about words: Receptive procedures in foreign language learning with special reference to English*. Gunter Narr Verlag.
- [9] Hamouda, A. (2021). The Effect of lexical inference strategy instruction on Saudi EFL learners' reading comprehension. *Education Quarterly Reviews*, 4(1), 96-112.
- [10] Huyen, T. T. N., & Trang, N. H. (2020). EFL teachers' perceptions towards schema activation in English reading comprehension. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 16(2), 71-87.
- [11] Jelić, A. B. (2007). *Lexical inferencing strategy use by Croatian foreign-language learners*. UPRT.
- [12] Juliana, J. (2018). The effect of lexical inferencing strategies on students'

- reading comprehension. *Journal MELT (medium for English language teaching)*, 1(2), 126-143.
- [13] Kaivanpanah, S. & Moghaddam, M.S. (2012). Knowledge sources in EFL learners' lexical inferencing across reading proficiency levels. *RELC Journal*, 43 (3), 373 – 391.
- [14] Kangwanpradit, K., & Sappapan, P. (2016). *The use of Thai EFL postgraduates' lexical inferencing strategies through the think-aloud method*. Unpublished master's thesis. Thammasat University.
- [15] May, F. (2001). *Unraveling the Seven Myths of Reading. Assessment and Intervention Practices for Counteracting their Effects*. Boston: Allyn and Bacon.
- [16] McDonough, S. H. (1995). *Strategies and skills in learning a foreign language*. Edward Arnold.
- [17] Mikulecky, B.S. (2008). *Teaching Reading in a Second Language*. San Fransisco: Pearson Education.
- [18] Nassaji, H. (2003). L2 vocabulary learning from context: Strategies, knowledge sources, and their Oxford relationship with success in L2 lexical inferencing. *TESOL Quarterly*, 37(4), 645-670.
- [19] Nation, P. (1990). *Teaching and learning vocabulary*. New York: Heinle & Heinle
- [20] O'Malley, J. M., & Chamot, A. U. (1990). *Learning strategies in second language acquisition*. Cambridge University Press.
- [21] Oxford, R. (1990). *Language learning strategies: What every teacher should know*. New York: Harper Collins Publisher
- [22] Paribakht, T. S., & Wesche, M. (1999). Reading and “incidental” L2 vocabulary acquisition: An introspective study of lexical inferencing. *Studies in second language acquisition*, 21(2), 195-224.
- [23] Qanwal, S., & Karim, S. (2014). Identifying the correlation between reading strategies instruction and L2 text comprehension. *Journal of Language Teaching and Research*, 5(5), 1019-1032.
- [24] Qian, D. D. (2004). *Second language lexical interference: Preferences, perceptions, and practices*. Amsterdam: John Benjamins Publishing Company.
- [25] Schmitt N. & McCarthy M., 1997. *Vocabulary: Description, Acquisition and Pedagogy*. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
- [26] Tavakoli, M. & Hayati, S. (2011). The relationship between lexical inferencing strategies and L2 proficiency of Iranian EFL learners. *Journal of Language Teaching and Research*, 2(6), 1227 - 1237.
- [27] Van Zealand, H. (2014). Lexical inferencing in first and second language listening. *The Modern Language Journal*, 98(4), 1006-1021.
- [28] Wang, Q. (2011). Lexical inferencing strategies for dealing with unknown words in reading-A contrastive study between Filipino graduate students and Chinese graduate students. *Journal of Language Teaching and Research*, 2 (2), 302-313.